TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC L** **TỈNH BẠC L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 5 năm 2024
V/v Tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC L- TỈNH BẠC L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Công Bằng**.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Dư Thị Út**.

2- Bà **Khưu Liên Dung**.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Nguyễn Minh Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L: Bà **Trần Minh Muội** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 87/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Kim N**, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Số 139, ấp Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. "có mặt"

- Bị đơn: Ông **Trịnh Phú C**, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số 15/330A, khóm Trà Kha B, Phường 8, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L. "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày: Về hôn nhân: Bà và ông Trịnh Phú C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tạp quán, vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Thạnh, huyện

Châu Thành A, tỉnh Cần T (nay là thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu G) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 638/TP/2002, quyển số 04, vào ngày 31/12/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C thường xuyên chửi bới, hâm dọa bà, làm cho cuộc sống của bà luôn sống trong tình trạng bất an, vợ chồng đã sống ly thân hơn 4 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nay bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Trịnh Phú C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung là chị Trịnh Tiểu My, sinh ngày 01/5/1993, chị Trịnh Hải My, sinh ngày 24/01/1997 và anh Trịnh Phú Nhựt Khang, sinh ngày 09/5/1998, hiện các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Trịnh Phú C trình bày: Ông và bà N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tạp quán, vợ chồng có đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà N là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do ông phát hiện bà N có nhắn tin và nói điện thoại với người khác. Vào tháng 11/2023 khi ông lên nhà để tổ chức giỗ cúng cơm, khi về thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, trong lúc nóng giận ông có đánh bà N một bạc tay, bà N cũng đánh lại ông. Ông đã cố gắn nhiều lần gặp bà N để hàn gắn đoàn tụ nhưng mỗi lần gặp bà N thì bà N có tình trốn tránh nên ông không thể hàn gắn được tình cảm với bà N. Ông thừa nhận trong lúc nóng giận do bà N cứ cố tình trốn tránh, ông không kìm chế được nên có hâm dọa bà N. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay (do ông thì nuôi tôm tỉnh Bạc L, bà N thì sinh sống tại Hậu Giang). Nay bà N yêu cầu xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì hiện tại vợ chồng đã lớn tuổi và có xui gia, đồng thời đứa con trai út chưa có gia đình, nay để nhằm cho con cái có cha mẹ và xui gia của hai con nên ông không đồng ý ly hôn với bà N mà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung là chị Trịnh Tiểu M, sinh ngày 01/5/1993, chị Trịnh Hải M, sinh ngày 24/01/1997 và anh Trịnh Phú Nhựt K, sinh ngày 09/5/1998, hiện các con chung đã đủ tuổi trưởng thanh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản

chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc L phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà Trần Kim N và ông Trịnh Phú C chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Qua phần trình bày của bà N và ông C, cũng như các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định bà N và ông C có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, bà N cương quyết xin ly hôn, ông C cũng không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông C.

+ Về con chung: Hiện nay chị Trịnh Tiểu My, sinh ngày 01/5/1993, chị Trịnh Hải My, sinh ngày 24/01/1997 và anh Trịnh Phú Nhựt Khang, sinh ngày 09/5/1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do bà N và ông C đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc L về việc tuân theo pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thẩm quyền:* Bà Trần Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trịnh Phú C có địa chỉ hiện nay tại số 15/330A, khóm Trà Kha B, Phường 8, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L.

[2] *Về nội dung khởi kiện:* Nguyên đơn bà Trần Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Trịnh Phú C.

[2.1] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Kim N và ông Trịnh Phú C quen biết nhau hoàn toàn tự nguyện và tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (nay là thị

trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 638/TP/2002, quyển số 04, vào ngày 31/12/2002. Nên hôn nhân giữa bà Trần Kim N và ông Trịnh Phú C là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà Trần Kim N cho rằng thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C thường xuyên chửi bới, hâm dọa bà, làm cho cuộc sống của bà luôn sống trong tình trạng bất an, vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 năm nay. Nay bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trịnh Phú C.

Ông Trịnh Phú C cho rằng: Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẩn do ông phát hiện bà N có nhắn tin và nói điện thoại với người khác. Vào tháng 11/2023 thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, trong lúc cự cải thì ông có đánh bà N một bạc tay, bà N có đánh lại ông. Tuy nhiên, ông đã cố gắn nhiều lần gặp bà N để hàn gắn đoàn tụ nhưng mỗi lần gặp bà N thì bà N có tình trốn trách nên ông không thể hàn gắn được tình cảm với bà N, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà N mà yêu cầu được đoàn tụ vì hiện tại vợ chồng đã lớn tuổi và có xui gia, còn đứa con trai út chưa có gia đình và để nhằm cho con cái có cha mẹ và xui gia của hai đứa con.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm gia đình phải do từ hai bên vun đắp thì mới có được cuộc sống hôn nhân bền lâu, trong đời sống gia đình luôn có những bất đồng là điều không thể tránh khỏi, nhưng cả hai đã không tìm cách hàn gắn và không có biện pháp giải quyết, bà N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và qua nhiều lần động viên hàn gắn đoàn tụ của Tòa án nhưng bà N vẫn cương quyết xin ly hôn, đồng thời hiện tại giữa bà N và ông C điều thừa nhận vợ chồng hiện đã sống ly thân với nhau nhưng ông C vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm với bà N, mà còn hâm dọa bà N làm cho cuộc sống của bà N luôn sống trong tình trạng bất an, không dám gặp mặt ông C. Do đó, mâu thuẫn giữa bà N và ông C đã nghiêm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Kim N là phù hợp.

[2.2] *Về con chung* Bà Trần Kim N và ông Trịnh Phú C xác định vợ chồng có có 03 người con chung là chị Trịnh Tiểu My, sinh ngày 01/5/1993, chị Trịnh Hải My, sinh ngày 24/01/1997 và anh Trịnh Phú Nhựt Khang, sinh ngày 09/5/1998, hiện các con chung đã đủ tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Tiểu My, chị Hải

My và anh Nhựt Khang đã trưởng thành, phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung:* Bà Trần Kim N và ông Trịnh Phú C xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung:* Bà Trần Kim N và ông Trịnh Phú C xác định vợ chồng không có nợ tài sản gì của ai và cũng không ai nợ tài sản gì của vợ chồng nên không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Kim N phải nộp theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Kim N.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Kim N được ly hôn với ông Trịnh Phú C.

2. Về con chung: Bà Trần Kim N và ông Trịnh Phú C xác định vợ chồng có 03 người con chung là chị Trịnh Tiểu My, sinh ngày 01/5/1993, chị Trịnh Hải My, sinh ngày 24/01/1997 và anh Trịnh Phú Nhựt Khang, sinh ngày 09/5/1998, hiện tại đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Trần Kim N đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002454 ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc L nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

6. Án sơ thẩm xử công khai, bà Trần Kim N và ông Trịnh Phú C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc L;
- VKSND thành phố Bạc L;
- Chi Cục THA.DS thành phố Bạc L;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Bùi Công Bằng